

Gia Lai, ngày 24 tháng 11 năm 2018

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI

Số: 5619 : Về tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2018

ĐẾN Ngày: 29/11/2018

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

## BÁO CÁO

### về tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2018 và dự toán năm 2019

Thực hiện Thông báo số 111/TB-HĐND ngày 15/10/2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chuẩn bị nội dung, chương trình Kỳ họp thứ 7, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021. UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán năm 2018 và dự kiến dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 như sau:

#### I. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2018

##### 1. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước

###### 1.1. Về kết quả thu ngân sách nhà nước năm 2018

- Năm 2018, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 3.983 tỷ đồng. Dự toán được HĐND tỉnh thông qua là 4.200 tỷ đồng.

- Thu ngân sách nhà nước năm 2018 ước thực hiện 4.456 tỷ đồng, đạt 111,9% dự toán Trung ương giao, 106,1% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 5% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

+ Thu nội địa NSNN (không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu xổ số kiến thiết): Ước thực hiện 3.617,4 tỷ đồng, đạt 105,8% dự toán Trung ương giao, 104,5% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 9,8% so với cùng kỳ.

+ Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 630 tỷ đồng, đạt 252% dự toán Trung ương giao, đạt 147,5% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1,1% so cùng kỳ. Dự ước số tăng thu tiền sử dụng đất cả năm 2018 so với HĐND giao là 203 tỷ đồng.

+ Thu tiền xổ số kiến thiết: Ước thực hiện 125 tỷ đồng, đạt 108,7% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, tăng 15,4% so với cùng kỳ.

##### Các khoản thu đạt và vượt dự toán (11 khoản):

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Ước thực hiện 980 tỷ đồng, đạt 113,6% dự toán Trung ương giao và 110% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: Lượng mưa năm 2018 nhiều, sản lượng phát điện các công ty thủy điện lớn trên địa bàn như: Ia Ly, Sê San 4, Sê San 3, An Khê - Ka Nak,... cao so với dự toán Bộ Tài chính giao.

(2) Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: Ước thực hiện 33 tỷ đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 7,4% so với cùng kỳ.

(3) Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện 18 tỷ đồng, gấp 6 lần dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3,9 lần so với cùng kỳ.

Kết quả đạt cao là do phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp và truy thu qua kiểm tra thuế của Công ty TNHH Thương mại và Chế biến Lois Dreyfus Company Việt Nam, ước nộp 4,8 tỷ đồng; Công ty TNHH Olam Việt Nam ước nộp 1,6 tỷ đồng, thuế nhà thầu nước ngoài lắp ráp máy móc thiết bị cho Công ty cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Cao Nguyên nộp 2,7 tỷ đồng và Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam nộp 2,6 tỷ đồng,...

(4) Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 1.158 tỷ đồng, đạt 100,7% dự toán Trung ương giao, 100,1% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 17,9% so với cùng kỳ.

Chủ yếu thu nợ thuế của Công ty cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai, Công ty Phước Hoàng Long, phát sinh sau quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 của Công ty cổ phần Quốc Cường; thu nợ Công ty CP HAGL; phát sinh mới CN Công ty Đường Quảng Ngãi - Nhà máy điện sinh khối An Khê;...

(5) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 7 tỷ đồng, đạt 175% dự toán Trung ương giao và đạt 140% so dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 4,9% so cùng kỳ.

Chủ yếu do phát sinh tăng diện tích đất phi nông nghiệp (hộ dân chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở).

(6) Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 290 tỷ đồng, đạt 101,8% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, tăng 20,6% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: Tăng mức lương cơ sở và tăng mức lương vùng nên thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công tăng.

(7) Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 630 tỷ đồng, đạt gấp 2,5 lần dự toán Trung ương giao, đạt 147,5% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1,1% so với cùng kỳ.

(8) Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện 84 tỷ đồng, đạt 140% dự toán Trung ương giao, đạt 132,3% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 11,1% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: Tăng so dự toán do phát sinh tiền thuê đất 50 năm nộp tiền một lần, truy thu qua kết luận Kiểm toán nhà nước, thu nợ các năm trước,...

(9) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện 90 tỷ đồng, gấp 9 lần dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, gấp 3,6 lần so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: Chủ yếu thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của 4 tháng cuối năm 2017 và cả năm 2018 ước nộp 66 tỷ đồng;...

(10) Thu xổ số kiến thiết: Ước thực hiện 125 tỷ đồng, đạt 108,7% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 15,4% so với cùng kỳ.

(11) Thu khác cân đối ngân sách: Ước thực hiện 165 tỷ đồng, đạt 113,8% dự toán HĐND tỉnh giao.

#### **Năm 2018 còn một số khoản thu đạt thấp so dự toán, gồm:**

(1) Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 228 tỷ đồng, đạt 95% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 17,3% so với cùng kỳ.

(2) Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện là 474 tỷ đồng, đạt 91,2% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1,9% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu giảm sản lượng xăng dầu so cùng kỳ năm trước.

(3) Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện 88 tỷ đồng, đạt 95,7% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 4,5% so cùng kỳ.

(4) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Ước thực hiện 71 tỷ đồng đạt 35,9% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao và giảm 62% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: Năm 2018 không phát sinh nguồn thu mới; nguồn thu chủ yếu là thuế VAT nhập khẩu máy móc, thiết bị và thuế VAT gỗ nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, qua lối mở không còn. Do đó số thu không đạt tiến độ theo dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao và giảm so cùng kỳ năm trước.

#### **1.2. Tình hình quản lý nợ thuế:**

Nợ thuế đến 30/9/2018 là 940,8 tỷ đồng (giảm 26,1 tỷ đồng), giảm 2,7% so với thời điểm 31/12/2017, trong đó:

- Nợ khó thu 612,2 tỷ đồng (tăng 48,5 tỷ đồng), tăng 8,6% so với thời điểm 31/12/2017, chiếm 65% trên tổng số nợ và có xu hướng tăng do phạt chậm nộp.

- Nợ chờ xử lý 77,3 tỷ đồng (giảm 7,7 tỷ đồng), giảm 9% so với thời điểm 31/12/2017.

- Nợ đến 90 ngày và trên 90 ngày là 249 tỷ đồng (giảm 66,9 tỷ đồng), giảm 21,2% so với thời điểm 31/12/2017.

- Nợ đang có khiếu nại 2,3 tỷ đồng.

Năm 2018, ngành thuế đã có nhiều cố gắng trong công tác chống thất thu, xử lý nợ đọng với trên 226 tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ đọng vẫn còn cao, chiếm tỷ lệ 6,45%.

## 2. Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018

Ước thực hiện 12.251,4 tỷ đồng, đạt 106,4% dự toán Trung ương giao, 102,1% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 23% so với cùng kỳ.

### a) Chi đầu tư phát triển:

Các khoản chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: Ước thực hiện 1.613,1 tỷ đồng, đạt 133% dự toán Trung ương giao, 104% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 92,6% so với cùng kỳ.

### b) Chi thường xuyên:

Ước thực hiện 8.249,3 tỷ đồng, đạt 107,5% dự toán Trung ương giao, 105,4% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14,8% so với cùng kỳ.

(Biểu số 1 kèm theo)

Năm 2018, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương, số tiền 200.396 triệu đồng (gồm: Ngân sách cấp tỉnh: 84.196 triệu đồng; ngân sách cấp huyện là 116.200 triệu đồng).

c) Chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và mục tiêu, nhiệm vụ:

Ước thực hiện cả năm 2018 là 2.380,2 tỷ đồng, đạt 103,1% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 134,9% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia ước thực hiện 499,6 đồng, đạt 94,5% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 16,8% so với cùng kỳ. Gồm:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo ước thực hiện 297,9 tỷ đồng, đạt 94,8% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, gồm: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 233,2 tỷ đồng, đạt 98% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 41,4% so với cùng kỳ; vốn sự nghiệp ước thực hiện 64,7 tỷ đồng, đạt 85% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 29,5% so với cùng kỳ.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới ước thực hiện 201,7 tỷ đồng, đạt 89% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 5,2% so với cùng kỳ. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 147,7 tỷ đồng, đạt 96% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 35,1% so với cùng kỳ. Vốn sự nghiệp ước thực hiện 54 tỷ đồng, đạt 89% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bằng 52,2% so với cùng kỳ.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ, dự án khác: Ước thực hiện 1.880,6 đồng, đạt 105,6% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 231,1% so với cùng kỳ.

Trong năm 2018, Trung ương bổ sung kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu nhiệm vụ số tiền 183 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư 70 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 113 tỷ đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ kịp thời để các địa phương thực hiện.

d) Tình hình chuyển nguồn năm 2017

Tổng số kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018 là 2.237 tỷ đồng, tăng hơn so với năm trước 588,2 tỷ đồng, gồm: Cấp tỉnh 1.531,3 tỷ đồng, tăng 499,3 tỷ đồng; cấp huyện 625,6 tỷ đồng, tăng 44,8 tỷ đồng; cấp xã 80 tỷ đồng, tăng 44,1 tỷ đồng.

e) Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách:

Dự toán Trung ương giao năm 2018 nguồn dự phòng ngân sách là 184,04 tỷ đồng. HĐND tỉnh quyết định 189,5 tỷ đồng, gồm: ngân sách cấp tỉnh 71,5 tỷ đồng, ngân sách huyện 118,05 tỷ đồng.

Dự kiến phân bổ sử dụng 118,7 tỷ đồng (gồm: Ngân sách cấp tỉnh 71,2 tỷ đồng; ngân sách huyện 47,5 tỷ đồng). Nguồn dự phòng ngân sách còn lại là 70,8 tỷ đồng (gồm: Ngân sách tỉnh còn lại là 0,3 tỷ đồng; ngân sách huyện là 70,5 tỷ đồng).

Việc trích lập, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dự phòng đã đảm bảo đúng các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

(Biểu số 2 kèm theo)

g) Tình hình quyết toán dự án hoàn thành vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh (đến ngày 30/10/2018):

- Tổng số dự án đã phê duyệt quyết toán 800 dự án (giá trị đề nghị quyết toán 2.359,1 tỷ đồng; giá trị quyết toán được duyệt 2.356,3 tỷ đồng; số kinh phí giảm trừ qua công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán là 2,7 tỷ đồng).

- Số dự án chủ đầu tư đã nộp hồ sơ quyết toán đề nghị thẩm tra 53 dự án. Trong đó: Số dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán 50 dự án; số dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng là 03 dự án (UBND thị xã Ayun Pa 02 dự án, chậm 04 tháng; UBND thị xã An Khê: 01 dự án, chậm 03 tháng).

- Số dự án hoàn thành nhưng chủ đầu tư chậm nộp hồ sơ báo cáo quyết toán dưới 24 tháng thuộc thẩm quyền cấp huyện phê duyệt quyết toán: 06 dự án với tổng mức đầu tư được phê duyệt 15,5 tỷ đồng (UBND xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa 02 dự án, chậm 08 tháng; Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện Phú Thiện 01 dự án, chậm 07 tháng; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chu Păh 01 dự án, chậm 07 tháng; Văn phòng HĐND-UBND huyện Chu Păh: 01 dự án, chậm 07 tháng và 01 dự án chậm 19 tháng).

**Đánh giá chung:**

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp với các địa phương triển khai nhiều biện pháp trong

công tác thu ngân sách như: chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tập trung xử lý các khoản nợ thuế tồn đọng, chỉ đạo các địa phương đề ra các giải pháp tăng trưởng kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình, nhờ đó thu ngân sách năm 2018 ước thực hiện vượt dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra. Công tác quản lý, điều hành chi tiêu ngân sách thực hiện đúng Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo các nhiệm vụ chi theo dự toán. Trong đó, đảm bảo cho nhu cầu tăng chi đầu tư phát triển, an sinh xã hội, an ninh quốc phòng; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, góp phần thực hiện hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; lồng ghép nhiều khoản kinh phí để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, kịp thời phát hiện và xử lý sai phạm trong việc quản lý sử dụng vốn ngân sách qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước. Nhờ đó kĩ luật về tài chính đã được thực hiện nghiêm hơn trước.

## **II. Xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019**

Năm 2019, kinh tế nước ta được dự báo vẫn đan xen những thuận lợi và khó khăn. Gia Lai là một tỉnh miền núi với nguồn thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp, thủy điện và khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh,... Hiện nay các mặt hàng giá cả nông sản biến động thất thường; diện tích cao su, cà phê già cỗi, đang thực hiện tái canh; hiện tượng hồ tiêu chết hàng loạt; tinh hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp khó lường tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp, chế biến,... ảnh hưởng đến sản xuất và sức tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; tình hình an ninh chính trị còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, vẫn đề thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài còn hạn chế; doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ và hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Một số dự án lớn mới đi vào hoạt động nguồn thu chưa ổn định và đang hướng các chính sách ưu đãi của nhà nước.

Dự báo trước tình hình này cùng với việc đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển, thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ trung ương giao, UBND tỉnh xây dựng dự toán tài chính - ngân sách năm 2019 như sau:

### **1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

- Thu NSNN trên địa bàn Trung ương giao năm 2019 là 4.503,6 tỷ đồng.
  - Địa phương xây dựng tổng thu NSNN trên địa bàn là **4.905 tỷ đồng**, tăng 8,9% so với dự toán Trung ương giao, tăng 401,4 tỷ đồng (*trong đó, các loại thuế, phí tăng 46,4 tỷ đồng; tiền sử dụng đất tăng 355 tỷ đồng*) tăng 10,1% so với ước thực hiện năm 2018. Trong đó:

- (1) Thu nội địa 4.829 tỷ đồng, tăng 9,1% so với Trung ương giao, tăng 10,1% so với ước thực hiện năm 2018, gồm:

- Thu nội địa NSNN (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu xổ số kiến thiết*) là 3.946,4 tỷ đồng, tăng 8,8% so với số ước thực hiện năm 2018; tăng so với Trung ương giao năm 2019 là 46,4 tỷ đồng.

- Thu tiền sử dụng đất 755 tỷ đồng, tăng 88,8% so với Trung ương giao, tăng 19,8% so với ước thực hiện năm 2018.

- Thu xổ số kiến thiết 125 tỷ đồng, bằng với Trung ương giao và ước thực hiện năm 2018.

- Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại 2,6 tỷ đồng, bằng với Trung ương giao, và ước thực hiện năm 2018.

(2) Thu thuế xuất nhập khẩu 76 tỷ đồng, bằng với Trung ương giao, tăng 7% so với ước thực hiện năm 2018.

**Tổng thu ngân sách địa phương:** **12.287.847 triệu đồng**

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 4.271.688 -

Tăng 683,7 tỷ đồng (19,1%) so với dự toán năm 2018. Trong đó tiền sử dụng đất tăng 328 tỷ đồng; thu xổ số kiến thiết tăng 10 tỷ đồng; các khoản thuế, phí, thu khác tăng 345,7 tỷ đồng.

- Thu kết dư năm 2017<sup>1</sup>: 6.266 -

- Thu chuyển nguồn<sup>2</sup>: 96.330 -

- Thu NSTW bù sung (*số liệu của Bộ Tài chính*): 7.913.563 -

+ Bù sung cân đối ngân sách: 5.948.170 -

Tăng so với số dự toán năm 2018 là 117 tỷ đồng.  
+ Bù sung có mục tiêu: 1.965.393 -

Trong đó:

Về vốn đầu tư: Giảm 606.912 triệu đồng so với dự toán năm 2018. Gồm:

\* Các chương trình, nhiệm vụ năm 2019: 749.518 triệu đồng, giảm 594.194 triệu đồng so với dự toán năm 2018.

\* Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo giao năm 2019 là: 140.985 triệu đồng, giảm 97.018 triệu đồng so với dự toán năm 2018.

---

<sup>1</sup> Kết dư NST: 86.293,49 trđ được xử lý như sau:

- Trả nợ gốc vốn vay chương trình KCHKM và GTNT năm 2018: 38.335,01 trđ;

- Hoàn trả NSTW các khoản BSCMT theo kết luận của Kiểm toán: 35.425,994 trđ;

- Số kết dư còn lại: 12.532,487 trđ: Trích 50% vào Quỹ Dự trữ tài chính: 6.266,243547 trđ; 50% đưa vào thu kết dư trong dự toán năm 2019 là 6.266 trđ.

<sup>2</sup> Tổng số vốn đầu tư năm 2018 chưa xử dụng chuyển sang năm 2019: 96.330 trđ. Gồm:

- Vốn chờ phân bổ nguồn cân đối theo tiêu chí (QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh): 37.000 trđ;

- Vốn chờ phân bổ tiền sử dụng đất (QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh): 34.320 trđ;

- Tiền đỗ đặc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 (QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh): 8.400 trđ;

- Tiền đỗ đặc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017 chuyển nguồn sang năm 2018 (QĐ số 468/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh): 16.610 trđ trđ.

\* Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới giao năm 2019: 238.200 triệu đồng, tăng 84.300 triệu đồng so với dự toán năm 2018.

Về vốn sự nghiệp: Tăng 262.502 triệu đồng so với dự toán năm 2018. Gồm:

\* Các chương trình, nhiệm vụ giao năm 2019 là: 694.820 triệu đồng, tăng 257.402 triệu đồng so với dự toán năm 2018.

\* Chương trình mục tiêu quốc gia giao năm 2019: 141.870 triệu đồng, tăng 5.100 triệu đồng so với dự toán năm 2018 (Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019: 58.670 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới: 83.200 triệu đồng).

## 2. Dự toán chi NSĐP năm 2019

### 2.1. Nguyên tắc phân bổ chi:

- Cơ cấu lại chi ngân sách địa phương, kết hợp với kiểm soát chi tiêu chặt chẽ, tăng cường kỷ luật và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

- Chi thường xuyên thực hiện triệt để tiết kiệm, gắn với sắp xếp lại bộ máy, giảm biên chế, thu gọn đầu mối, đổi mới sự nghiệp công, nâng cao mức độ tự chủ về tài chính theo đúng quy định

- Chỉ tổng hợp đưa vào dự toán đối với các nhiệm vụ chi không thường xuyên khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với những nhiệm vụ chi đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền, nhưng chưa được phê duyệt kế hoạch, chương trình, đề án, dự toán, quy hoạch, thì bố trí kinh phí dự kiến theo từng lĩnh vực đến từng đơn vị dự toán cấp 1. Đơn vị chỉ được sử dụng sau khi kế hoạch, chương trình, đề án,... được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện. Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp theo từng lĩnh vực, chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I.

- Những nhiệm vụ chi phát sinh chưa có trong dự toán đầu năm và chưa có kế hoạch cụ thể được bố trí trong nguồn dự phòng, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy chế của Tỉnh ủy và theo quy định của Luật Ngân sách.

- Đảm bảo cân đối nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương để thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương ban hành.

- Những nhiệm vụ của các bộ, ngành, đoàn thể trung ương giao sẽ đảm bảo theo khả năng của ngân sách.

- Các chế độ, chính sách do địa phương ban hành và các chế độ, chính sách do ngân sách địa phương đảm bảo thì sử dụng nguồn tăng thu, kết dư để xử lý theo khả năng ngân sách như:

+ Hỗ trợ ủy thác Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn theo khả năng tăng thu của ngân sách địa phương.

+ Thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương, trong đó có nguồn 50% tăng thu dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 (phần ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp) sau khi đã đảm bảo nhu cầu điều chỉnh mức lương cơ sở đến mức 1,49 triệu đồng/tháng từ 01 tháng 7 năm 2019, trường hợp còn dư nguồn, thì địa phương phải sử dụng để đảm bảo nhiệm vụ chi thực hiện chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành (giảm tương ứng phần ngân sách trung ương phải hỗ trợ cho ngân sách địa phương theo chế độ).

- Đảm bảo mức tăng chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp khoa học công nghệ so với số Trung ương đã giao, tăng hơn so với dự toán năm 2018.

- Bố trí vốn đối ứng về kinh phí sự nghiệp để thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu theo đúng quy định.

- Bố trí chi trả nợ gốc và lãi của các khoản vay đầy đủ đúng hạn theo đúng các cam kết.

- Bố trí đủ kinh phí cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và hoàn trả số kinh phí đã tạm ứng từ Quỹ Phát triển đất của tỉnh để phục vụ cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Thực hiện theo đúng quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, nhằm đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa, giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập, phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng chế độ chính sách; chi đầu tư phát triển.

## 2.2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019

Tổng chi NSĐP:

12.283.447 triệu đồng.

Trong đó:

\* Chi đầu tư phát triển là 3.001.323 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 24,4% so với tổng chi ngân sách địa phương năm 2019.

\* Chi thường xuyên 8.993.648 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 73,2% so với tổng chi ngân sách địa phương năm 2019.

Gồm:

a) Tổng chi cân đối NSĐP:

10.318.054 triệu đồng.

So với dự toán của HĐND tỉnh giao năm 2018 tăng 6,5% (625,6 tỷ đồng). Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 1.872.620 triệu đồng

So với dự toán của HĐND tỉnh giao năm 2018 (không tính phần chi đầu tư chuyển nguồn) tăng 26,8% (376,5 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 18,1% so với tổng chi cân đối năm 2019 (năm 2018 chiếm tỷ trọng 14,4%). Gồm:

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản (vốn cân đối): 866.290 triệu đồng.

Bằng với dự toán trung ương giao năm 2019. So với dự toán của HĐND tỉnh giao năm 2018 tăng 2,1% (18,57 tỷ đồng).

+ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 755.000 triệu đồng.

Tăng 88,7% so với dự toán trung ương giao năm 2019. So với dự toán của HĐND tỉnh giao năm 2018 tăng 76,8% (328 tỷ đồng).

+ Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 125.000 triệu đồng.

Bằng với dự toán trung ương giao năm 2019. So với dự toán của HĐND tỉnh giao năm 2018 tăng 8,6% (10 tỷ đồng).

+ Chi đầu tư chuyển nguồn từ năm 2017 sang năm 2018 thực hiện: 96.330 triệu đồng<sup>3</sup>.

+ Chi ủy thác qua NHCS cho vay các đối tượng: 30.000 triệu đồng.

Tăng 20 tỷ đồng (200%) so với số dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018.

- Chi thường xuyên: 8.156.958 triệu đồng

So với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018 tăng 4,2% (329 tỷ đồng, trong đó do tăng lương cơ sở từ 1,3 triệu đồng lên 1,39 triệu đồng là 234,375 tỷ đồng). Chiếm tỷ trọng 79,1% so với tổng chi cân đối năm 2019 (năm 2018 chiếm tỷ trọng 80,8%). Gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo - dạy nghề là 3.455.239 triệu đồng, bằng số dự toán Trung ương giao; tăng 158 tỷ đồng so với dự toán 2018, chiếm 42,3% chi thường xuyên.

+ Sự nghiệp khoa học và công nghệ là 37.604 triệu đồng, tăng 11.671 triệu đồng so dự toán Trung ương giao.

+ Sự nghiệp môi trường là 112.955 triệu đồng, tăng 35.328 triệu đồng so dự toán năm 2018.

---

<sup>3</sup> Tổng số vốn đầu tư năm 2018 chưa xử dụng chuyển sang năm 2019: 96.330 trđ. Gồm:

- Vốn chờ phân bổ nguồn cân đối theo tiêu chí (QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh): 37.000 trđ;

- Vốn chờ phân bổ tiền sử dụng đất (QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh): 34.320 trđ;

- Tiền đỗ đặc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 (QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh): 8.400 trđ;

- Tiền đỗ đặc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017 chuyển nguồn sang năm 2018 (QĐ số 468/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh): 16.610 trđ trđ.

+ Các khoản chi thường xuyên còn lại là 4.551.160 triệu đồng, tăng 4% so với dự toán 2018, tương ứng với số tiền tăng là 175,7 tỷ đồng.

- Chi trả nợ lãi vay: 600 triệu đồng.

(Bằng số Trung ương giao)

- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.400 triệu đồng.

(Bằng số Trung ương giao)

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 23.750 triệu đồng.

(Bằng số Trung ương giao)

- Dự phòng ngân sách: 262.726 triệu đồng.

(Bằng 2,54% tổng chi cân đối ngân sách địa phương)

**b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 1.965.393 triệu đồng**

Gồm:

+ Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 749,518 tỷ đồng, giảm 594,19 tỷ đồng, bằng 55,7% so với số Trung ương và HĐND tỉnh giao năm 2018.

+ Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu: 694,820 tỷ đồng, tăng 257,402 tỷ đồng, tăng 58,8% so với số Trung ương và HĐND tỉnh giao năm 2018.

+ Bổ sung vốn thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia: 521,055 tỷ đồng, bằng 98,5% so với số Trung ương và HĐND tỉnh giao năm 2018.

**c) Bội thu NSDP: 4.400 triệu đồng**

Bằng số Trung ương dự kiến giao (bằng số dự kiến trả nợ gốc vốn vay thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn 31.000 triệu đồng trừ đi số dự kiến giải ngân từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại là 26.600 triệu đồng).

(Biểu số 3 kèm theo)

### **3. Một số giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2019:**

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2019 và các năm tiếp theo góp phần hoàn thành các mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XV đề ra, cần tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

#### **3.1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2019:**

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII), nhằm khai thác các tiềm năng, lợi thế của

tỉnh để thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc. Phấn đấu tăng thu để thực hiện các nhiệm vụ của địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo nghị quyết của Quốc hội.

- Rà soát, tăng cường khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (đất đai, tài nguyên, tài sản các đơn vị sự nghiệp công) nhằm huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục chỉ đạo ngành thuế rà soát các nguồn thu đang thắt thu nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi và các nguồn thu mới phát sinh, tồn đọng theo kết luận của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, khắc phục kịp thời các biện pháp giảm nợ đọng thuế theo quy định; làm việc trực tiếp với một số doanh nghiệp có số thuế nợ lớn để xem xét tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và xử lý các vướng mắc về nghĩa vụ tài chính.

### **3.2. Nhiệm vụ và giải pháp về chi ngân sách địa phương năm 2019:**

- Đảm bảo cân đối ngân sách, cơ cấu lại ngân sách tăng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên, giảm dần chi từ ngân sách trong các ngành, lĩnh vực có khả năng xã hội hóa cao, tập trung vốn đầu tư để thực hiện một số dự án đầu tư trọng điểm về hạ tầng tại các vùng kinh tế trọng điểm, động lực và chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, chương trình nông thôn mới.

- Quản lý phân bổ kịp thời vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn, ưu tiên bố trí cho các mục tiêu cần thiết, cấp bách theo quy định của Luật Đầu tư công và thực tế của địa phương theo chủ trương của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh.

- Cơ cấu lại chi thường xuyên trong từng lĩnh vực, tập trung đảm bảo cho các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, các chính sách an sinh xã hội, chỉ ban hành các chủ trương, chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và đảm bảo được nguồn kinh phí.

- Các sở, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy để góp phần thực hiện tốt dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nâng cao mức độ tự chủ về tài chính, đẩy nhanh lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công khai, minh bạch các chính sách thuế, tài chính ngân sách; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán, giải ngân vốn kịp thời, đúng quy định trong phạm vi kế hoạch, góp phần hoàn thành tốt dự toán tài chính - ngân sách năm 2019 Trung ương giao và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra.

Trên đây là những nội dung cơ bản về kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2018, dự kiến thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Hoàng**


**BIỂU CHI TIẾT ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2018**

(kèm theo Báo cáo số: 140/BC-UBND ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện cả năm 2017	Ước thực hiện cả năm 2018	(% ) thực hiện cả năm 2018 so		
					So với dự toán BTC giao	So với dự toán HĐND tỉnh giao	So cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5/1</i>	<i>7=5/2</i>	<i>8=5/3</i>
<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)</b>	<b>3.983.000</b>	<b>4.200.000</b>	<b>4.245.097</b>	<b>4.456.000</b>	<b>111,9%</b>	<b>106,1%</b>	<b>105,0%</b>
<b>A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>3.983.000</b>	<b>4.200.000</b>	<b>4.227.597</b>	<b>4.449.000</b>	<b>111,7%</b>	<b>105,9%</b>	<b>105,2%</b>
<b>I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước</b>	<b>3.785.000</b>	<b>4.002.000</b>	<b>4.040.954</b>	<b>4.378.000</b>	<b>115,7%</b>	<b>109,4%</b>	<b>108,3%</b>
<i>Không kể tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn của NN</i>	<i>3.420.000</i>	<i>3.460.000</i>	<i>3.293.266</i>	<i>3.620.400</i>	<i>105,9%</i>	<i>104,6%</i>	<i>109,9%</i>
<b>Cục thuế quản lý thu</b>	<b>3.640.000</b>	<b>3.857.000</b>	<b>3.883.107</b>	<b>4.220.000</b>	<b>115,9%</b>	<b>109,4%</b>	<b>108,7%</b>
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	863.000	891.100	974.047	980.000	113,6%	110,0%	100,6%
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	33.000	33.000	30.722	33.000	100,0%	100,0%	107,4%
3. Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.000	3.000	4.615	18.000	600,0%	600,0%	390,0%
4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.150.000	1.157.400	982.464	1.158.000	100,7%	100,1%	117,9%
5. Lệ phí trước bạ	240.000	240.000	194.351	228.000	95,0%	95,0%	117,3%
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			1.002	1.000			99,8%
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	5.000	6.674	7.000	175,0%	140,0%	104,9%
8. Thuế thu nhập cá nhân	285.000	285.000	240.419	290.000	101,8%	101,8%	120,6%
9. Thuế Bảo vệ môi trường	520.000	520.000	483.050	474.000	91,2%	91,2%	98,1%
10. Thu phí và lệ phí	92.000	92.000	84.228	88.000	95,7%	95,7%	104,5%
11. Tiền sử dụng đất	250.000	427.000	637.149	630.000	252,0%	147,5%	98,9%
12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	60.000	63.500	94.471	84.000	140,0%	132,3%	88,9%
13. Thu tiền bán và cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			392	400			102,0%
14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	10.000	10.000	24.733	90.000	900,0%	900,0%	363,9%
15. Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn của NN			2.192	2.600			118,6%
16. Thu Xô số kiến thiết	115.000	115.000	108.347	125.000	108,7%	108,7%	115,4%
17. Thu khác.	160.000	160.000	172.098	169.000	105,6%	105,6%	98,2%
- Thu phạt VPHC do cơ quan thuế thực hiện	15.000	15.000	14.251	11.000	73,3%	73,3%	77,2%
- Thu biện pháp tài chính khác	145.000	145.000	157.847	158.000	109,0%	109,0%	100,1%



Nội dung	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện cả năm 2017	Ước thực hiện cả năm 2018	(% ) thực hiện cả năm 2018 so		
					So với dự toán BTC giao	So với dự toán HĐND tỉnh giao	So cùng kỳ năm trước
A	1	2	4	5	6=5/1	7=5/2	8=5/3
II. Thuế XK/NK, TTĐB, VAT hàng nhập khẩu Hải quan thu.	198.000	198.000	186.643	71.000	35,9%	35,9%	38,0%
III. Thu viện trợ							
B. Các khoản thu quản lý qua ngân sách			17.500	7.000			40,0%
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B+C)	11.509.473	12.002.230	9.963.245	12.251.400	106,4%	102,1%	123,0%
A. Chi cân đối NSDP	9.199.670	9.692.427	8.932.366	9.864.081	107,2%	101,8%	110,4%
I. Chi đầu tư phát triển	1.212.720	1.551.099	1.742.468	1.613.143	133,0%	104,0%	92,6%
II. Chi thường xuyên	7.670.611	7.827.931	7.188.498	8.249.338	107,5%	105,4%	114,8%
III. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400	1.400	1.400	1.400	100,0%	100,0%	100,0%
IV. Chi cải cách tiền lương	130.699	122.248					
IV. Dự phòng ngân sách	184.040	189.549					
VI. Chi trả nợ lãi vay	200	200		200	100,0%	100,0%	
B. Các khoản chi quản lý qua ngân sách			17.500	7.000			40,0%
C. Chi thực hiện các chương trình MTQG, chương trình 135, và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW.	2.309.803	2.309.803	1.013.379	2.380.320	103,1%	103,1%	234,9%



**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**  
 (kèm theo Báo cáo số: 140/BC-UBND ngày 24/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Biểu số 2

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị	Số quyết định	Ngày
	<b>Tổng số</b>				
<b>A</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>71.500,0</b>			
<b>II</b>	<b>Đã sử dụng</b>	<b>59.589,4</b>			
	<i>Gồm:</i>				
1	Hỗ trợ công tác phòng chống tội phạm trên địa bàn tỉnh	150,0	Công an tỉnh	46/QĐ-UBND	05/2/2018
2	Kinh phí thực hiện phim tư liệu "Gia Lai - Miền di sản"	60,0	Sở Văn hóa TT và DL	87/QĐ-UBND	05/3/2018
3	Kinh phí chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng ngô năm 2017	51,6	Các huyện	111/QĐ-UBND	20/3/2018
4	Kinh phí sửa chữa một số tài sản cần thiết phục vụ hoạt động của UBND tỉnh	485,5	VP UBND tỉnh	118/QĐ-UBND	27/3/2018
5	Kinh phí tổ chức các hoạt động đón tiếp Đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Lào sang thăm và làm việc tại tỉnh	224,0	Hội Liên hiệp phụ nữ	122/QĐ-UBND	30/3/2018
6	Kinh phí tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an và tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc	52,0	Công an tỉnh	125/QĐ-UBND	03/4/2018
7	Kinh phí thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật và thủy sản trên	6.260,7	Chi cục Chăn nuôi thú ý	124/QĐ-UBND	02/4/2018
8	Kinh phí thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật và thủy sản trên đại bàn tỉnh năm 2018	1.428,8	Các huyện	124/QĐ-UBND	02/4/2018
9	Kinh phí tổ chức Hội thảo "Kiến tạo các chuỗi giá trị quan trọng cho hai nền kinh tế Việt Nam và Australia"	155,0	Sở Kế hoạch và ĐT		
10		22,0	Sở Công thương	129/QĐ-UBND	04/4/2018
11		26,0	Sở Văn hóa TT và DL		
12	Kinh phí tổ chức cuộc thi "Tìm hiểu về căn cứ cách mạng Khu 10 - xã Krong, huyện Kbang, giai đoạn 1945-1975"	150,4	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	167/QĐ-UBND	24/4/2018
13	Kinh phí sửa chữa và làm các thủ tục cần thiết để đưa xe ô tô Toyota Camry vào phục vụ công tác	185,0	Ban Nội chính Tỉnh ủy	168/QĐ-UBND	24/4/2018
14	Kinh phí tổ chức cho Đoàn cán bộ lãnh đạo của tỉnh đi Trường Sa, nhà giàn DK1 năm 2018	650,0	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	169/QĐ-UBND	24/4/2018
15	Kinh phí đăng cai tổ chức các giải thể thao năm 2018	934,0	Sở Văn hóa TT và DL	193/QĐ-UBND	10/5/2018
16	Kinh phí hỗ trợ chi phí cho đoàn cựu tù chính trị yêu nước các tỉnh đến thăm di tích nhà lao Pleiku	10,0	Hội Cựu tù chính trị yêu nước	211/QĐ-UBND	16/5/2018
17	Kinh phí phục vụ Lễ đón nhận, truy điệu, an táng liệt sỹ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong thời kỳ chiến tranh ở Campuchia, do đội K52 tìm kiếm, quy tập trong mùa khô 2017-2018	242,6	VP UBND tỉnh	224/QĐ-UBND	22/5/2018



STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị	Số quyết định	Ngày
18	Kinh phí hỗ trợ cho Liên đoàn lao động tỉnh tổ chức Đại hội Công đoàn tỉnh Gia Lai lần thứ X, nhiệm kỳ 2018-2023	200,0	Liên đoàn lao động tỉnh	225/QĐ-UBND	22/5/2018
19	Kinh phí cấp cho Ban Quản lý dự án Phát triển trẻ thơ toàn diện tỉnh Gia Lai để bổ sung kinh phí đối ứng thực hiện dự án Phát triển trẻ thơ toàn diện tỉnh Gia Lai năm 2018	1.710,5	Ban Quản lý dự án Phát triển trẻ thơ toàn diện tỉnh Gia Lai	254/QĐ-UBND	06/6/2018
20	Kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án "Lắp đặt hệ thống truyền hình trực tuyến các phiên tòa tỉnh Gia Lai"	1.000,0	Tòa án nhân dân tỉnh	257/QĐ-UBND	08/6/2018
21	Kinh phí làm thủ tục đăng ký và sửa chữa xe ô tô nhãn hiệu Lexus LX570 biển kiểm soát 81A-004.90 để phục vụ công tác	218,5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	269/QĐ-UBND	15/6/2018
22	Kinh phí nộp thuế trước bạ và sửa chữa xe ô tô Toyota camry; số khung: 4T4BF3EK4BR157725, số máy: 2AR0414231 để phục vụ công tác	168,0	Sở Tư Pháp	268/QĐ-UBND	15/6/2018
23	Hỗ trợ kinh phí xây dựng "Nhà đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam" trên quần đảo Trường Sa	300,0	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	287/QĐ-UBND	25/6/2018
24	Kinh phí cấp cho Sở Ngoại vụ để sửa chữa xe ô tô Mitsubishi, biển kiểm soát 81A-00418 phục vụ công tác	326,5	Sở Ngoại vụ	296/QĐ-UBND	03/7/2018
25	Kinh phí tổ chức hội nghị biếu dương "người tốt, việc tốt" trong đồng bào công giáo trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2012-2017	244,0	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	305/QĐ-UBND	04/7/2018
26	Kinh phí hỗ trợ tổ chức hội nghị biếu dương người cao tuổi tiêu biểu sản xuất, kinh doanh giỏi giai đoạn 2012-2017 và cử đoàn đại biểu người cao tuổi tỉnh đi dự hội nghị tiêu biểu toàn quốc tại Hà Nội	118,7	Hội người cao tuổi	308/QĐ-UBND	05/7/2018
27	Kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948-11/6/2018)	18,5	Sở Văn hóa TT và DL	310/QĐ-UBND	06/7/2018
28	Kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948-11/6/2018)	57,1	Đài Phát thanh Truyền hình	310/QĐ-UBND	06/7/2018
29	Kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948-11/6/2018)	28,5	Trường Chính trị	310/QĐ-UBND	06/7/2018
30	Kinh phí tổ chức Hội nghị tập huấn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Hội Luật gia tỉnh, thành phố khu vực miền trung	50,0	Hội Luật gia	334/QĐ-UBND	17/7/2018
31	Kinh phí hỗ trợ tổ chức lớp tập huấn kỹ năng công tác xã hội, chăm sóc sức khỏe và triễn khai Nghị quyết trung ương 6 khóa XII về tổ chức hội	42,0	Hội người cao tuổi	356/QĐ-UBND	26/7/2018
32	Kinh phí cấp cho BCH Quân sự tỉnh để chuyên cho Sư đoàn 307 hỗ trợ tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập sư đoàn	50,0	Bộ CHQS tỉnh	357/QĐ-UBND	26/7/2018
33	Kinh phí sửa chữa hội trường Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San	491,0	Sở Văn hóa TT và DL	367/QĐ-UBND	07/8/2018
34	Kinh phí mua vắc xin lở mồm long móng type A&O tiêm phòng đợt 2 năm 2018 cho 09 xã, thị trấn thuộc huyện Mang Yang và Đăk Đoa	268,4	Sở Nông nghiệp và PTNT	387/QĐ-UBND	13/8/2018
35	Hỗ trợ kinh phí thực hiện tổng kết 20 năm thi hành Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng (1997-2017)	87,5	BCH Biên phòng tỉnh	389/QĐ-UBND	13/8/2018

*Mạc*



STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị	Số quyết định	Ngày
36	Kinh phí hỗ trợ triển khai Đề án thu hồi, hỗ trợ bồi thường về đất, bồi thường hoa màu; san nền, phân lô để cấp đất sản xuất; hỗ trợ giống cây trồng và giải quyết nước sinh hoạt cho các hộ dân thôn Ia Bia, xã Ia Le	4.500,0	UBND huyện Chu Puh	390/QĐ-UBND	20/8/2018
37	Kinh phí tổ chức Lễ đón nhận danh hiệu anh hùng LLVT nhân dân	40,0	Văn phòng Tỉnh ủy (Ban Tuyên giáo)	394/QĐ-UBND	22/8/2018
38	V/v thực hiện in thư của CT Hồ Chí Minh gửi "Đại hội các dân tộc thiểu số miền nam họp tại Pleiku năm 1946" trên địa bàn tỉnh	1.515,3	Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	403/QĐ-UBND	27/8/2018
39	V/v hỗ trợ tổ chức diễn tập A3 tỉnh Gia Lai năm 2018	2.905,0	Bộ CHQS tỉnh	137/QĐ-UBND	27/8/2018
40	V/v hỗ trợ tổ chức diễn tập A3 tỉnh Gia Lai năm 2018	2.956,0	Bộ CHBP tỉnh	137/QĐ-UBND	27/8/2018
41	V/v hỗ trợ tổ chức diễn tập A3 tỉnh Gia Lai năm 2018	223,0	Công an tỉnh	137/QĐ-UBND	27/8/2018
42	Kinh phí thực hiện làm mới lối đi vào phòng thờ Bác Hồ tại Quảng trường Đại Đoàn kết	51,2	Sở Văn hóa TT và DL	418/QĐ-UBND	30/8/2018
43	Đề xuất hỗ trợ kinh phí thực hiện tổ chức sơ kết "Ngày Biên phòng toàn dân" giai đoạn 2009-2019 gắn với tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống bộ đội biên phòng (03/3/1959-3/3/2019) và 30 năm ngày biên phòng toàn dân (03/3/1989-03/3/2019)	300,0	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	431/QĐ-UBND	11/9/2018
44	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh	400,0	Công an tỉnh	147/QĐ-UBND	07/9/2018
45	Kinh phí thực hiện hỗ trợ, động viên 3 tổ công tác Đội K52 thực hiện nhiệm vụ	30,0	BCH Quân sự tỉnh	498/QĐ-UBND	25/10/2018
46	Hỗ trợ kinh phí cho UBND huyện Chu Puh để nâng cấp, sửa chữa đường từ thị trấn Nhơn Hòa đi xã Hbông (trước mắt khắc phục đoạn thông Hòa Bình đến làng Tông Will, huyện Chu Puh do hư hỏng nặng)	4.500,0	UBND huyện Chu Puh	531/QĐ-UBND	21/11/2018
47	Hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Liên xã Ia Chía - Ia O	4.000,0	UBND huyện Ia Grai	530/QĐ-UBND	21/11/2018
48	Hỗ trợ thực hiện dự án xử lý hệ thống thoát nước đường Tôn Đức Thắng - Làng Brel xã Biển Hồ (đoạn từ đường Ý Lan đến Km0+660), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	6.000,0	UBND Thành phố Pleiku	529/QĐ-UBND	21/11/2018
49	Hỗ trợ kinh phí thực hiện dịch vụ công ích năm 2018	12.000,0	UBND Thành phố Pleiku	528/QĐ-UBND	21/11/2018
50	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật năm 2018 do tăng quân số	2.695,0	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	527/QĐ-UBND	21/11/2018
51	Kinh phí cải tạo, sửa chữa nhà xưởng thành khu phục hồi chức năng và nuôi người khuyết tật	493,0	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh (Sở LĐTBXH)	532/QĐ-UBND	21/11/2018
52	Kinh phí đối ứng thực hiện Dự án "An ninh y tế khu vực Tiều vùng Mê Kông mở rộng" sử dụng vốn vay ưu đãi của ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	105,7	Sở y tế	533/QĐ-UBND	21/11/2018



STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị	Số quyết định	Ngày
53	Hỗ trợ kinh phí phục vụ Đoàn công tác của TT Ban Bí Thư viếng liệt sỹ tại Nghĩa trang liệt sỹ tinh và thăm Trung tâm Bảo trợ xã hội	64,0	Sở Lao động TB và XH	534/QĐ-UBND	21/11/2018
54	Hỗ trợ kinh phí đê vận chuyển, trồng 33 cây giáng hương tại Quang trường Đại Đoàn kết	41,3	Sở Văn hóa Thể thao và DL	535/QĐ-UBND	21/11/2018
55	Kinh phí sửa chữa nhà làm việc của Sở Kế hoạch và Đầu tư	303,0	Sở Kế hoạch và Đầu tư	536/QĐ-UBND	21/11/2018
<b>III</b>	<b>Dự kiến sử dụng</b>	<b>11.659,0</b>			
1	Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án khu tập thể Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải Gia Lai	682,7	UBND thành phố Pleiku	TT số 496/STC-GCS của Sở Tài chính	19/3/2018
2	Chi phí bồi thường dự án khu tái định cư xã Trà Đa (hộ Ông Trần Minh Nhựt)	13,7	UBND thành phố Pleiku	TT số 2275/STC-QLGCS của Sở Tài chính	23/10/2018
3	Chi phí hỗ trợ di dời đúng kế hoạch dự án via hè Quốc lộ 14 Km 529-Km531 đoạn qua thành phố Pleiku	213,0	BQL DA các công trình giao thông tỉnh	TT số 2275/STC-QLGCS của Sở Tài chính	23/10/2018
4	Bổ sung quỹ nhuận bút năm 2018 do tăng mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	458,7	Báo Gia Lai		
5	Kinh phí quản lý thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ	290,9	Sở Xây dựng		
6	Festival Cồng chiêng năm 2019	10.000,0	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch		
<b>III</b>	<b>Số còn lại</b>	<b>251,6</b>			

*Maso*


**BIỂU BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI NSDP NĂM 2018 VÀ DỰ TOÁN CHI NĂM 2019**

(kèm theo Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

**Đơn vị tính: Triệu đồng**

Chỉ tiêu chi	Năm 2018			Dự toán năm 2019					So sánh %		
	Dự toán năm (CP)	Dự toán (HĐND)	Ước thực hiện cả năm	CP giao	Dự toán của địa phương	Tăng, giảm so với DT CP giao	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS huyện	UTH2018/ DT2018 (HĐND)	DT2019 (HĐND)/ DT2018 (HĐND)	DT2019 (HĐND)/ UTH2018
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9=3/2*100	10=5/2*100	11=5/3*100
<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>11.509.473</b>	<b>12.002.230</b>	<b>12.251.401</b>	<b>11.788.231</b>	<b>12.283.447</b>	<b>495.216</b>	<b>5.512.264</b>	<b>6.771.183</b>	<b>102,1</b>	<b>102,3</b>	<b>100,3</b>
A. Chi cân đối NSNN	9.199.670	9.692.427	9.871.081	9.822.838	10.318.054	495.216	3.774.699	6.543.355	101,8	106,5	104,5
I. Chi đầu tư phát triển	1.212.720	1.551.099	1.620.143	1.391.290	1.872.620	481.330	1.106.620	766.000	104,5	120,7	115,6
1. Chi XDCB tập trung	847.720	847.720		866.290	866.290		586.290	280.000		102,2	
a. Vốn trong nước	847.720	847.720		866.290	866.290		586.290	280.000		102,2	
Tr.đó : + Chi giáo dục - ĐT											
+ Chi khoa học và công nghệ											
b. Vốn ngoài nước											
2. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	250.000	427.000		400.000	755.000	355.000	269.000	486.000		176,8	
3. Chi đầu tư bằng nguồn thu Xổ số kiến thiết	115.000	115.000		125.000	125.000		125.000			108,7	
4. Chi cho Ngân hàng chính sách (cho vay các đối tượng chính sách): 16.266 trđ		10.000			30.000	30.000	30.000			300,0	
5. Từ vốn đầu tư chuyển nguồn từ năm 2017 sang năm 2018 thực hiện		151.379			96.330	96.330	96.330				
II. Chi thường xuyên	7.670.611	7.827.931	8.249.338	8.209.258	8.156.958	-52.300	2.515.043	5.641.915	105,4	104,2	98,9
1. Chi an ninh - quốc phòng								193.597			
2. Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.247.188	3.297.236		3.455.239	3.455.239		542.130	2.913.109		104,8	
3. Chi sự nghiệp y tế								757.742			
4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	23.204	38.204		25.933	37.604	11.671	31.314	6.290		98,4	
5. Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin								66.640			
6. Chi sự nghiệp môi trường		117.045			112.955		28.117	84.838		96,5	
7. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình								21.434			
8. Chi sự nghiệp thể dục - thể thao								10.335			
9. Chi đảm bảo xã hội								114.444			
10. Chi sự nghiệp kinh tế								294.836			
11. Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể								404.713			
12. Chi khác ngân sách								49.741			
III. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400		1.400		100,0	100,0	100,0
IV. Chi CC tiền lương	130.699	122.248		23.750	23.750		23.750			19,4	



Chỉ tiêu chi	Năm 2018			Dự toán năm 2019					So sánh %		
	Dự toán năm (CP)	Dự toán (HĐND)	Ước thực hiện cả năm	CP giao	Dự toán của địa phương	Tăng, giảm so DT CP giao	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS huyện	UTH2018/ DT2018 (HDND)	DT2019 (HDND)/ DT2018 (HDND)	DT2019 (HDND)/ UTH2018
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9=3/2*100	10=5/2*100	11=5/3*100
V. Dự phòng	184.040	189.549		196.540	262.726	66.186	127.286 (1)	135.440		138,6	
VI. Chi trả nợ lãi vay	200	200	200	600	600		600		100,0	300,0	300,0
VI. Chi chuyển nguồn											
B. Chi các CTMTQG, CT 135, các mục tiêu, nhiệm vụ TW bổ sung	2.309.803	2.309.803	2.380.320	1.965.393	1.965.393		1.737.565	227.828	103,1	85,1	82,6
+ Vốn đầu tư	1.735.615	1.735.615	1.771.729	1.128.703	1.128.703	-	1.128.703		102,1	65,0	63,7
+ Vốn sự nghiệp	574.188	574.188	608.591	836.690	836.690	-	608.862	227.828	106,0	145,7	137,5

Ghi chú:

(1) Quỹ Hợp tác xã 10 tỷ đồng (trong đó chuyển nguồn năm 2018 sang 3 tỷ đồng; Chương trình Nông thôn mới 30 tỷ đồng và dự phòng bố trí cho: Trang thiết bị Đài Phát thanh - truyền hình; Duy tu sửa chữa đường giao thông; Hỗ trợ di dời vùng sạt lở; Hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở làm việc cho công an xã trọng điểm ANCT; Hỗ trợ trang bị phần mềm quản lý ứng dụng công nghệ thông tin; Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HDND huyện theo NQ 89/2018/NĐ-CP; Hỗ trợ kinh phí môi trường, kiến thiết thị chính; Hỗ trợ trang bị truyền hình trực tuyến đến cấp xã; Các chương trình khuyến nông; Kinh phí đền bù các lâm trường; Mua sắm trang thiết bị phục vụ A2 của BCH quân sự tỉnh; Diễn tập phòng thủ; Chi phí bảo trì sửa chữa các công trình, sửa chữa hệ thống điện, nước BQL Quảng trường Đại Đoàn Kết; kinh phí đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số lần thứ III năm 2019; kinh phí chương trình quảng bá địa phương tại Hàn Quốc; Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Gia Lai; kinh phí hỗ trợ thêm mức đóng BHYT cho một số đối tượng; Nâng cấp các hệ thống dùng chung để xây dựng nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu phục vụ chính quyền điện tử; Kinh phí xây dựng hạ tầng du lịch, di tích lịch sử Tây Sơn Thượng Đạo; Hỗ trợ xây dựng bia tưởng niệm; Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách An sinh xã hội đã thay phần Ngân sách trung ương hỗ trợ do bãi bỏ chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghè ở vùng khó khăn (Quyết định số 25/2018/QĐ-TTg) mà Trung ương đã bố trí nguồn cho địa phương giai đoạn 2017-2020 và các nhiệm vụ phát sinh khác...)